



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị giá

Đề (chẩn)
li

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	01	27	5,0	01	An	le
2	000002	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	01	28	4,5	01	Anh	chẩn
3	000003	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	01	29	8,3	01	Anh	le
4	000004	1001030469	Hà Văn	Anh	27/08/2004	QT10A	01	30	7,5	01	Anh	chẩn
5	000005	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	01	31	7,8	01	Anh	le
6	000006	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	01	32	7,5	01	Anh	chẩn
7	000007	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	01	33	7,3	01	Anh	le
8	000008	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	01	34	7,5	01	Anh	chẩn
9	000009	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	01	35	4,3	01	Anh	le
10	000010	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	01	36	4,8	01	Anh	chẩn
11	000011	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	01	37	8,0	02	Anh	le
12	000012	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	01	38	8,5	01	Anh	chẩn
13	000013	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	01	39	5,8	01	Chi	le
14	000014	1001030501	Vì Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	01	40	7,3	01	Chi	chẩn
15	000015	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	01	41	5,8	01	Chúc	le
16	000016	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	01	42	6,0	01	Đạt	chẩn
17	000017	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	01	43	5,3	01	Diệp	le
18	000018	1001030526	Đoàn Văn	Dung	04/09/2004	QT10A	01	44	4,3	01	Dung	chẩn
19	000019	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	01	45	5,5	01	Dương	le
20	000020	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	01	46	5,8	01	Duyên	chẩn
21	000021	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	01	47	6,3	01	Hà	le
22	000022	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	01	48	6,8	01	Hà	chẩn
23	000023	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	01	49	5,8	01	Hạnh	le
24	000024	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	01	50	5,8	01	Hậu	chẩn
25	000025	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	01	51	2,3	01	Hiếu	le
26	000026	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	01	52	6,3	01	Hàn	chẩn
27	000027	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01	53	3,5	01	Hoàng	le
28	000028	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	01	54	7,3	01	Hương	chẩn

Tổng số sinh viên dự thi:.....28

Tổng số tờ giấy thi:.....29

Tổng số biên bản:.....0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày ..23 tháng ..6.. Năm ..2025

Nguyễn Thị Minh Tâm

Lê Thị Tâm



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị giá

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000029	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	01	79	6,3	1	Huyền	le'
2	000030	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	01	80	4,3	1	Huyền	chấn
3	000031	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	01	81	9,5	2	Huyền	le'
4	000032	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	01	82	6,0	1	Tiến	chấn
5	000033	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	01	83	8,8	1	Linh	le'
6	000034	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	01	84	7,8	1	linh	chấn
7	000035	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	01	85	6,0	1	Mah	le'
8	000036	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	01	86	4,8	1	Nam	chấn
9	000037	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	01	87	6,3	1	Ngân	le'
10	000038	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	01	88	6,0	1	Ngọc	le'chấn
11	000039	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	01	89	7,0	1	Phu'	le'
12	000040	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	01	90	4,8	1	Phong	chấn
13	000041	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phuong	13/12/2004	QT10A	01	91	5,3	1	Phuong	le'
14	000042	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	01	92	5,5	1	Quân	chấn
15	000043	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	01	93	2,0	1	Tai	le'
16	000044	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	01	94	7,8	1	Thanh	chấn
17	000045	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	01	95	4,0	1	thảo	le'
18	000046	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	01	96	5,5	1	The	chấn
19	000047	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	01	97	5,0	1	Thuận	le'
20	000048	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	01	98	4,8	1	Thùy	chấn
21	000049	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	01	99	3,8	1	Toàn	le'
22	000050	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	01	100	7,0	1	Trà	chấn
23	000051	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	01	101	6,8	1	Trang	le'
24	000052	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	01	102	5,3	1	Trang	chấn
25	000053	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	01	103	5,5	1	Trang	le'
26	000054	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	01	104	5,3	1	Trang	chấn
27	000055	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	01	105	4,3	1	Tuấn	le'
28	000056	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	01	106	5,3	1	Vi	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 28...

Tổng số tờ giấy thi: 29...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày: 23 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)

Ng. P. Hồng Hạnh

(Signature)

Trần T Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Quản trị giá

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000057	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	01	55	8,0	01	ghe	Đề đề
2	000058	0901030235	Chu Thị Châm	Quanh	26/10/2003	QT9A	01					ĐK
3	000059	0710331097	Nguyễn Đức	Duy	05/11/2000	QM7A	02					HP, ĐK
4	000060	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	02	56	8,0	01	Anh	Đề chẵn
5	000061	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	02	57	8,0	01	Anh	Lẻ
6	000062	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	02	58	4,0	01	Anh	Chẵn
7	000063	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	02	59	5,5	01	Anh	Lẻ
8	000064	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	02	60	5,3	01	Anh	Chẵn
9	000065	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	02	61	2,5	01	Bien	Lẻ
10	000066	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	02	62	4,3	01	Chi	Chẵn
11	000067	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	02	63	2,8	01	chiến	Lẻ
12	000068	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	02	64	2,8	01	Chung	Chẵn
13	000069	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	02	65	7,0	01	Công	Lẻ
14	000070	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	02					Vắng
15	000071	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	02	66	4,0	01	Diệu	Lẻ
16	000072	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	02	67	5,0	01	Đức	Chẵn
17	000073	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	02	68	2,3	01	Đinh	Lẻ
18	000074	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	02	69	1,3	01	Duy	Chẵn
19	000075	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	02	70	8,0	01	Hà	Lẻ
20	000076	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	02	71	7,8	01	Hà	Chẵn
21	000077	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	02	72	5,8	01	Hạnh	Lẻ
22	000078	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	02	73	6,8	02	Hiền	Chẵn
23	000079	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	02	74	6,0	01	Hoá	Lẻ
24	000080	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	02	75	5,5	01	Hương	Chẵn
25	000081	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	02	76	4,3	01	Quang	Lẻ
26	000082	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	02	77	7,5	01	Huyền	Chẵn
27	000083	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	02	78	4,5	01	Huyền	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 24...

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 0

Ngày 23 tháng 06 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trương

Nguyễn

Đường Thị Trang Lê Hồng Kỳ



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị giá

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000084	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	02	1	6,5	01	Khánh	chẵn
2	000085	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	02	2	7,8	01	Linh	lẻ
3	000086	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	02	3	3,8	01	Linh	chẵn
4	000087	1001031391	Phạm Thuỳ	Linh	14/07/2004	QT10B	02	4	6,0	01	Linh	lẻ
5	000088	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	02	5	4,0	01	Ly	chẵn
6	000089	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	02	6	6,3	01	My	lẻ
7	000090	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	02	7	6,0	01	Nga	chẵn
8	000091	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	02	8	8,0	01	Ngọc	lẻ
9	000092	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	02	9	5,8	01	Ngọc	chẵn
10	000093	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	02	10	4,8	01	Nguyệt	lẻ
11	000094	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	02	11	7,5	01	Nhâm	chẵn
12	000095	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	02	12	6,5	01	Nhi	lẻ
13	000096	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	02	13	5,3	01	Oanh	chẵn
14	000097	1001030666	Lý Thu	Phuong	10/09/2004	QT10B	02	14	3,8	01	Phuong	lẻ
15	000098	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	02	15	4,5	01	Quân	chẵn
16	000099	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	02	16	6,3	01	Son	lẻ
17	000100	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	02	17	5,0	01	Thắng	chẵn
18	000101	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	02	18	4,5	01	Thành	lẻ
19	000102	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	02	19	5,5	01	Thuy	chẵn
20	000103	1001030708	Chu Thùy	Tiên	13/01/2001	QT10B	02	20	5,5	01	Tiên	lẻ
21	000104	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	02	21	7,0	01	Trang	chẵn
22	000105	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	02	22	6,0	01	Trang	lẻ
23	000106	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	02	23	6,8	01	Trang	chẵn
24	000107	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	02	24	8,5	01	Trang	lẻ
25	000108	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	02	25	7,5	01	Tuấn	chẵn
26	000109	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	02	26	6,5	02	Tuấn	lẻ
27	000110	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	02					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 26

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 23 tháng 03 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phan Ngọc Lan

Phan Thùy Nga